



## BIỂN ĐÔNG: HỢP TÁC VÌ AN NINH VÀ PHÁT TRIỂN

**G.M.Lokshin**

*TS, Viện Viễn Đông, Viện hàn lâm khoa học Nga*

### I

Bất chấp hậu quả của khủng hoảng toàn cầu, các nước khu vực châu Á-Thái Bình Dương đang khẳng định dự báo của các nhà khoa học rằng trung tâm kinh tế và chính trị thế giới thế kỷ 21 cũng như trung tâm của những cạnh tranh, thậm chí trung tâm của cuộc đối đầu mới có thể xảy ra giữa các cường quốc hàng đầu và các liên minh của họ đang chuyển đến khu vực Thái Bình Dương. Đường như Thái Bình Dương trở thành “Địa Trung Hải của tương lai”. Vì thế sự ổn định và khả năng dự đoán về tương lai phát triển của khu vực có ý nghĩa rất quan trọng trong việc duy trì hòa bình và ổn định không chỉ của khu vực mà còn cả trên thế giới. Những điều trên có thể được bảo đảm bằng một hệ thống các biện pháp xây dựng lòng tin và đẩy mạnh hợp tác giữa các nước trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực khai thác tài nguyên biển và các tuyến giao thông trên biển quan trọng nhất thế giới.

Xung đột xung quanh chủ quyền đối với các đảo ở Biển Đông thuộc loại xung đột tương đối mới mà trước đây đã bị các cơ chế của “Chiến tranh Lạnh” che lấp. Hiện nay, trong điều kiện trật tự thế giới mới đang được hình thành, những xung đột này đang nổi lên trên tuyến đầu trong cuộc đấu tranh và cạnh tranh giữa các nước ASEAN với nhau, cũng như giữa một số nước thành viên ASEAN, và ASEAN như là một khối thống nhất với các cường quốc nằm ngoài khu vực trong tam giác Trung Quốc-Mỹ-Nhật Bản.



Vấn đề quân sự hóa ngày càng tăng quanh các đảo ở Biển Đông nhất định dẫn tới các đụng độ, với khả năng chuyển thành xung đột nghiêm trọng với nguy cơ tự mở rộng về số lượng và quy mô các bên tham gia cũng như phạm vi của xung đột.

Bất chấp một loạt các đụng độ nguy hiểm và thậm chí cả xung đột vũ trang xảy ra trong khu vực quần đảo Trường Sa trong 2-3 năm qua, cùng với hoạt động ngày càng tăng và những hành động cứng rắn của Trung Quốc, trên thực tế, cho đến nay, nhận thức về mối đe dọa ngày càng tăng đến hòa bình và an ninh quốc tế này vẫn chưa vượt ra ngoài giới hạn giới chuyên gia, và chưa được dư luận thế giới biết tới, đặc biệt là phương Tây, nơi trước đây nhiều người đã từng tỏ ra nghi ngờ sự cảnh báo của nhà nghiên cứu chính trị Mỹ nổi tiếng S.Hantington về một kịch bản của tương lai “xung đột giữa các nền văn minh”, mà có thể rất dễ xảy ra ở chính khu vực Biển Đông này.

Tình hình căng thẳng gia tăng ở Biển Đông bắt đầu cách đây không lâu (chỉ khoảng 30-40 năm trước), sau khi Trung Quốc chiếm quần đảo Hoàng Sa vào năm 1974 và sau đó liên tiếp chiếm nhiều đảo ở quần đảo Trường Sa. Kể từ đó, những nỗ lực của Việt Nam và các nước liên quan khác của ASEAN, cũng như việc ký kết đủ loại văn kiện song phương và đa phương hay các tuyên bố về cách ứng xử của các Bên ở Biển Đông, hoặc việc các bên tham gia Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, hay Tuyên bố 2002 mà Trung Quốc đã ký, hoặc vô số các tuyên bố chung qua các cuộc họp thượng đỉnh và trao đổi đoàn cấp cao giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc - cho đến nay đều chưa cải thiện được chút nào tình hình tranh chấp vẫn đang còn “đóng băng”.

Những mâu thuẫn gay gắt xung quanh chủ quyền lãnh thổ đối với các đảo, vùng biển xung quanh và tài nguyên vẫn chưa được giải quyết và ngày càng trở nên trầm trọng. Nguy cơ thực sự về tranh giành quyền sở hữu nguồn năng lượng và nguồn cá ở Biển Đông sẽ làm các cuộc xung đột đó



trầm trọng thêm đến mức có thể làm bùng nổ chủ nghĩa dân tộc ở Trung Quốc cũng như ở các nước trong khu vực và khiến các sự kiện vượt ra ngoài tầm kiểm soát của chính quyền các nước. Ở Trung Quốc, Đài Loan, Philippin và cả Việt Nam, các đảo luật đã đưa các đảo vào thành một phần của lãnh thổ quốc gia và đời sống tinh thần dân tộc, và các đảo đó đã trở thành biểu tượng dân tộc và thậm chí là điều kiện để bảo đảm tính chính đáng của các chính phủ, mà đối với họ các đảo phải được bảo vệ “bằng mọi giá”. Điều đó làm tình hình trở nên bất định, khó giải quyết và không thể dự đoán được.

## II

Trung Quốc là thực thể quan trọng nhất của vấn đề. Nếu có khả năng thuyết phục được lãnh đạo Trung Quốc giải quyết xung đột một cách hòa bình, thì chúng ta sẽ nhanh chóng thấy được ánh sáng ở cuối đường hầm.

Tất cả chúng ta đều biết rằng chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong thời gian trước mắt phụ thuộc vào quyết định của Đại hội 16 và 17 Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nó dựa trên lợi ích quốc gia-dân tộc của nhân dân Trung Quốc theo cách hiểu của thể hệ lãnh đạo Trung Quốc hiện nay. Họ tập trung mọi nỗ lực của đất nước vào việc giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh từ tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Để làm được điều đó, Trung Quốc cần một giai đoạn hòa bình, ổn định chính trị lâu dài trong môi trường quốc tế.

Chính sách của Trung Quốc ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương nhằm vào hai hướng chủ yếu: hướng đông và hướng nam. Hướng đông, bao gồm Đài Loan và Nhật Bản, là hướng ưu tiên. Ở hướng nam, liệu lợi ích của Trung Quốc có hướng tới những triển vọng lâu dài hơn? Theo đánh giá của một số nhà phân tích, Trung Quốc sẽ thực hiện chiến lược ổn định quan hệ với các nước láng giềng và thiết lập môi trường hòa bình xung quanh Trung Quốc, nhấn mạnh vào ngoại giao, và tìm kiếm các giải pháp chính trị để giải



quyết vấn đề nguồn tài nguyên biển thông qua hợp tác theo nguyên tắc cùng thắng cùng có lợi.

Giải quyết xung đột bằng quân sự là không có lợi và không cần thiết đối với Trung Quốc trong tình thế hiện nay. Nhưng vẫn chưa rõ thể hệ lãnh đạo mới của Trung Quốc lên nắm quyền từ năm 2012 sẽ có lập trường như thế nào. Cho đến nay, các nhà lãnh đạo Trung Quốc hoàn toàn không chịu nhượng bộ “các đối tác chiến lược” trong vấn đề chủ quyền ở Biển Đông.

Trong học thuyết quân sự của Trung Quốc, họ không loại trừ khả năng sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực để “bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ”. Theo nhận định của chuyên gia hàng đầu về Trung Quốc, giám đốc Viện Viễn Đông Nga, Viện sĩ M.L.Titareno, đường lối quân sự-chính trị của Trung Quốc trong tương lai gần là rõ ràng và có thể đoán trước được, đó là nhằm vào việc kéo dài thời gian chiến lược dùng để tích lũy lực lượng, để cuối cùng đưa Trung Quốc thành cường quốc khu vực và sau đó là cường quốc hàng đầu của thế giới. Các mục tiêu cụ thể của Trung Quốc bao gồm sự công nhận vô điều kiện của cộng đồng thế giới đối với toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Trung Quốc đối với Đài Loan, Tây Tạng, Tân Cương cũng như đặc quyền của Trung Quốc ở Biển Đông. Cũng theo Titareno, có ít khả năng Trung Quốc triển khai quân sự để đạt được các mục tiêu đó.

Rõ ràng là cùng với sự lớn mạnh về kinh tế, vai trò của Trung Quốc sẽ tăng lên không chỉ ở khu vực, mà ở tầm cỡ thế giới. Chúng ta, cả ở Nga lẫn ở Việt Nam và ở các nước ASEAN nói chung, phải nhận thức được rằng Trung Quốc có những lợi ích quan trọng trong khu vực. Trong trường hợp này, tôi muốn trích lời của cựu Tổng thống Phi-líp-pin F.Ramos, người mới gần đây đã viết: “Chúng ta phải chấp nhận thực tế rằng chúng ta phải sống cùng với một Trung Quốc hùng mạnh trong tất cả các lĩnh vực”, và để bảo đảm sự ổn định lâu dài trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương, “chúng ta cần chuyển từ “Trật tự Mỹ” mà đã được bảo đảm bằng sự hiện diện quân sự



hùng hậu của Mỹ, sang “Trật tự châu Á-Thái Bình Dương” trong đó các nước lớn và các nhóm tiểu khu vực có thể đóng góp và chia sẻ trách nhiệm trong việc bảo đảm hòa bình và ổn định ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

Nguy cơ lớn nhất cho Trung Quốc cũng như cho tất cả các nước láng giềng của Trung Quốc là khả năng dân chúng quá vui mừng vì những thành công không thể chối cãi và sự gia tăng mạnh mẽ của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa sô vanh. Điều quan trọng là các nhà lãnh đạo chính trị Trung Quốc phải hiểu rõ mối nguy hiểm đó. Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào nhiều lần đề cập đến điều đó trong các bài phát biểu của mình nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhận thức về sự phát triển của Trung Quốc gây lo ngại không chỉ ở cho nước láng giềng, mà cả ở phương Tây, nơi mọi người thấy Trung Quốc là một đối thủ đáng kể trước tiên là trong lĩnh vực thương mại-kinh tế. Việc coi Trung Quốc là mối đe dọa có thể ảnh hưởng tiêu cực đến chương trình hiện đại hóa và cản trở việc thực hiện chính sách cải cách và mở cửa của Trung Quốc.

Các quan chức Trung Quốc ngày càng nghiêm túc quan tâm đến dư luận trong nước và thế giới. Vì vậy tất cả những ai mong muốn đạt được giải pháp chính trị hợp lý để giải quyết các xung đột đều phải quan tâm nhiều hơn nữa đến dư luận ở hầu hết các nước quan trọng. Điều đó đòi hỏi không ít nỗ lực: phương tiện và thời gian. Các đề nghị tích cực và các dự án hợp tác sẽ có nhiều cơ hội thành công hơn nếu nhận được sự ủng hộ của dư luận ở các nước, điều này còn giúp cô lập những người theo đường lối cứng rắn.

Vẫn có khả năng tìm kiếm một giải pháp chính trị “cùng thắng, cùng có lợi”. Nếu ý chí chính trị có thể cao đến mức đạt được một giải pháp thông qua đàm phán, tình hình sẽ có cơ hội tiến triển. Xung đột vũ trang sẽ đe dọa lợi ích tất cả các bên tranh chấp, do chi phí chính trị và kinh tế cho sự leo thang quân sự sẽ lớn đến mức không bên nào muốn phải gánh chịu. Hiện tại



không nước nào trong khu vực có khả năng quân sự cần thiết để khẳng định và duy trì những yêu sách của mình, quan hệ giữa các bên nói chung vẫn là hợp tác, và chưa một bên yêu sách nào phát hiện được trữ lượng dầu mỏ và khí đốt tự nhiên để dành cho thương mại. Tuy nhiên, với thời gian những điều đó có thể thay đổi, đặc biệt là khi Trung Quốc hay một bên yêu sách nào đó có được sức mạnh quân sự cho phép họ áp đặt yêu sách của mình thông qua đe dọa hoặc sử dụng vũ lực.

Từ cuối thế kỷ trước giới khoa học đã tính đến khả năng ngày càng lớn khu vực Biển Đông trở thành điểm nóng nguy hiểm của các xung đột quốc tế và họ đã bắt đầu tính toán các phương án có thể để giải quyết vấn đề. Những sáng kiến làm giảm căng thẳng đang tiếp tục được đưa ra. Trong số các sáng kiến, tôi có thể lấy ví dụ như việc phi quân sự hóa ở các đảo tranh chấp; tổ chức các cuộc họp thượng đỉnh đa phương của các nước liên quan, đưa vấn đề vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng Liên hợp quốc; thiết lập cơ chế khai thác chung các nguồn tài nguyên thiên nhiên; hay bổ nhiệm đại diện cấp cao các nước yêu sách hay một số nước không có yêu sách chủ quyền để chuẩn bị cơ sở cho những cuộc đàm phán chính thức trong tương lai. Cũng đã nhiều lần có đề nghị đàm phán thông qua bên trung gian thứ ba hay thậm chí đưa ra xét xử tại Tòa án Quốc tế của Liên Hợp Quốc. Tất cả những dự án có thể hợp lý đó có một điểm yếu: chúng đều đi ngược lại chính sách chính thức của Trung Quốc mà được thể hiện rõ trong cái gọi là “3 không”: không quốc tế hóa xung đột; không đàm phán đa phương; và không nhờ đến một cơ quan đặc biệt nào để giải quyết vấn đề. Điều duy nhất chấp nhận được đối với Trung Quốc là duy trì các cuộc đàm phán song phương không chính thức với riêng từng bên yêu sách chủ quyền. Tất cả các bên đó yếu hơn Trung Quốc nhiều và có những mức độ khác nhau trong quan hệ song phương với Trung Quốc. Kết quả là chúng ta có thể thấy sự bế tắc hoàn toàn.

Thật không may là giữa các nước ASEAN yêu sách chủ quyền cũng không có quan điểm chung. Cho đến nay ASEAN vẫn chưa có cơ chế giải



quyết xung đột. Diễn đàn khu vực ASEAN ARF có thể thực hiện nhiệm vụ đó trong tương lai. Nhưng hiện tại việc quản lý xung đột được thực hiện không phải bởi “phương cách ASEAN” nổi tiếng, mà bởi “phương cách Trung Quốc”. Trong nhiều năm việc quản lý xung đột hoàn toàn phụ thuộc vào nền ngoại giao Trung Quốc.

Trên cơ sở phân tích tình hình thực tế của ASEAN và ARF, một số chuyên gia đi đến kết luận rằng hoàn toàn không thể tìm ra giải pháp thích đáng trong khuôn khổ ASEAN hay ARF. Vì thế sự lựa chọn tốt nhất cho tất cả là duy trì nguyên trạng quân sự và ngoại giao. Nhưng trên thực tế không có nguyên trạng nào cả. Diễn biến tình hình trở nên ngày càng nguy hiểm cùng với cuộc chạy đua vũ trang ngày càng tăng trong khu vực. Do đó điều cần thiết ở đây không phải là những ngò vạc thiếu khuyến khích đối với các chuyên gia, mà là những sáng kiến xây dựng mới. Rõ ràng rằng việc soạn thảo một hiệp định có thể chấp nhận được [đối với các bên-nd] đòi hỏi thời gian nhiều năm, và nhiều kiên nhẫn và nỗ lực ở tất cả các cấp và các biện pháp. Chúng ta cần nhớ lại rằng Việt Nam và Trung Quốc vừa kết thúc cuộc đàm phán về phân định biên giới trên bộ kéo dài 20 năm. Còn cuộc đàm phán như vậy giữa Liên Xô và sau đó là Nga và Trung Quốc kéo dài 40 năm.

Một loạt những cơ chế và phương pháp ngoại giao phòng ngừa có thể được sử dụng để giảm căng thẳng, ngăn chặn sự bùng nổ xung đột ở Biển Đông, và tạo dựng cơ sở cho một giải pháp chính trị. Một số mục tiêu cụ thể có thể đạt được ở đây. Các nước yêu sách chủ quyền có thể xây dựng bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông và tuân theo theo bộ quy tắc đó. Họ có thể bỏ qua những lý lẽ theo đường lối dân tộc chủ nghĩa và những yêu sách không có cơ sở pháp lý. Họ có thể xây dựng một trang Web quản lý hợp tác trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường biển, nghiên cứu khoa học biển, an toàn hàng hải và tìm kiếm, cứu hộ. Họ cũng có thể đàm phán để đưa ra những nguyên tắc tự nguyện liên quan đến các hoạt động quân sự trong các vùng tranh chấp.



Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) vẫn là một thể chế khu vực tương đối mới, và đang dần từng bước trở nên một công cụ quan trọng nhằm duy trì sự hài hòa và ổn định ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Mọi cố gắng của ARF nhằm tập hợp và áp dụng một hệ thống các biện pháp xây dựng lòng tin trong khu vực đều có ý nghĩa rất quan trọng. Về phương diện này, kinh nghiệm của nhóm các nước ở Biển Đen về việc thành lập một cơ chế đặc biệt có tên gọi “Blackseafort” - thỏa thuận hợp tác hải quân trên Biển Đen, là rất hữu ích.

Chúng ta đều biết rằng, ARF và các cuộc họp thượng đỉnh ASEAN hoạt động ngày càng hiệu quả hơn nhờ các hoạt động không chính thức được gọi là “kênh hai” của các trung tâm nghiên cứu và các tổ chức phi chính phủ. Hội thảo về Quản lý xung đột tiềm ẩn trên Biển Đông do Indonesia chủ trì đã tạo cơ hội hợp tác quan trọng cho các vấn đề kỹ thuật, nhưng các cuộc họp này đã không thể tạo ra những cuộc thảo luận có ý nghĩa về vấn đề chủ quyền đang còn nhiều tranh cãi. Do đó, nên cố gắng nâng tầm các cuộc họp không chính thức này lên nhằm giải quyết vấn đề về chủ quyền hay cơ chế khai thác chung các nguồn tài nguyên thiên nhiên biển. Cũng cần thiết phải vượt qua khuôn khổ hẹp trong giới chuyên gia và bắt đầu hợp tác trở lại với các tổ chức phi chính phủ có mục tiêu kiến tạo hòa bình, và với những thực thể được gọi là lãnh đạo của dư luận, nhằm xây dựng một phong trào được thông tin đầy đủ và có ảnh hưởng rộng rãi vì hòa bình và an ninh trong khu vực.

### III

Đến đây tôi xin có đôi lời về quan điểm chính thức của Nga.

Biển Đông nằm ở vị trí tương đối cách xa Matxcova và dường như các vấn đề ở Biển Đông không nằm trong diện ưu tiên trong chính sách đối ngoại và lợi ích của Nga. Nhưng cũng không hẳn thế bởi Nga đang và sẽ mãi là cường quốc biển ở Thái Bình Dương và đất nước của chúng tôi luôn quan





tâm sâu sắc đến việc giữ vững môi trường quốc tế ổn định trong khu vực nhằm bảo đảm tự do hàng hải và thông tin liên lạc trên biển.

Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương có tầm quan trọng đối với lợi ích sống còn của Nga. Nga có mối liên kết chặt chẽ với khu vực thông qua quan hệ đối tác chiến lược với cả Trung Quốc và Việt Nam. Quan hệ đối tác này là một khuôn khổ tổ chức nhất định cho hoạt động chung của các quốc gia trong trong các lĩnh vực cơ bản, và kế hoạch cho những triển vọng lâu dài dựa trên sự công nhận, tôn trọng lẫn nhau và ủng hộ lợi ích của mỗi bên.

Chính vì vậy mà Nga cũng như các nước khác trong khu vực đều mong muốn tình hình khu vực Biển Đông diễn biến theo hướng cho phép các bên xung đột đàm phán về các vấn đề tranh chấp một cách hòa bình, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, tạo ra một bầu không khí hòa bình, ổn định, tin tưởng và hợp tác lẫn nhau trong khu vực nguy hiểm này.

Nga đã nhiều lần bày tỏ quan điểm của mình coi ASEAN là một trong những trung tâm có ảnh hưởng của thế giới, và mong muốn một Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á mạnh và phát triển ổn định. Trong giới học giả Nga, nhiều người cho rằng tiến trình hội nhập sâu rộng ở khu vực Đông Á và tăng cường phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong khu vực chắc chắn sẽ dẫn tới giải pháp các bên đều có thể chấp nhận về các vấn đề tồn tại ở khu vực Biển Đông theo hướng khai thác chung các nguồn tài nguyên thiên nhiên giàu có trong khu vực.

Việc thành lập cộng đồng Đông Á vẫn còn là mục tiêu chưa xác định của tương lai. Tuy nhiên, trong giai đoạn xây dựng cộng đồng hiện nay, câu hỏi lô gích về sự tham gia của Nga trong đó đang được đặt ra. Thật đáng tiếc là vấn đề này, được Tổng thống Nga nêu ra năm 2005 tại Kualalampor, vẫn còn bỏ ngỏ. Trong điều kiện hiện tại, nỗ lực của một số nước muốn ngăn chặn Nga tham gia đầy đủ quá trình liên kết trong khu vực khó có thể coi là hợp lý. Điều đó có thể gây những hậu quả nghiêm trọng cho Nga nếu nó dẫn



đến việc hình thành một khối thương mại đóng và liên minh riêng biệt bao gồm những quốc gia nằm dưới sự chi phối của một hay hai cường quốc chủ đạo. Rõ ràng rằng Nga không thể quan sát một cách thụ động những biến đổi kinh tế và địa chính trị sâu sắc ngay gần biên giới phía đông của mình.

Cuộc gặp cấp cao ASEAN-Nga lần thứ hai có thể được tổ chức ở đây, tại Hà Nội, vào năm tới, có thể thay đổi tình huống rất không bình thường này. Chương trình nghị sự sẽ bao gồm tất cả các mối liên kết giữa Nga và ASEAN, và kết quả của cuộc gặp cấp cao đó có thể là việc thông qua văn kiện chính trị chung phản ánh đường lối chung của các bên đối với kiến trúc an ninh và hợp tác ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong tương lai. Vì thế khó có thể đánh giá quá cao ý nghĩa của cuộc gặp thượng đỉnh sắp tới.

Tháng 7/2009, trong thời gian diễn ra cuộc họp của ARF, phát biểu tại trường đại học tổng hợp Băng Cốc, Bộ trưởng Ngoại giao Nga S.Lavrov đã nói: “Các nước chúng ta có không gian rộng lớn cho những hành động chung để củng cố hòa bình, ổn định và an ninh trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Nga luôn ủng hộ một kiến trúc an ninh và hợp tác bình đẳng và minh bạch ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương dựa trên những nỗ lực tập thể, thừa nhận các tiêu chuẩn và nguyên tắc của Luật pháp quốc tế, và chỉ sử dụng đối thoại, tư vấn và đàm phán với tư cách là công cụ giải quyết cho tất cả các vấn đề phức tạp. Tức là những gì được chúng ta gọi là “phương cách ASEAN”. Theo phương cách này, không cần đến ưu thế quân sự, tăng cường sức mạnh quân đội, không làm tổn hại an ninh của các quốc gia khác, không xây dựng các căn cứ quân sự ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương và các liên minh quân sự, không triển khai hệ thống phòng thủ chống tên lửa khu vực mà có thể phá hủy thế cân bằng chiến lược. Một kiến trúc như thế chỉ có thể được thiết lập thông qua phát triển ngoại giao đa phương, các cuộc tiếp xúc giữa các tổ chức và diễn đàn khu vực và điều quan trọng nhất là phải tôn trọng lẫn nhau và tính đến lợi ích của nhau”.

Thực tế là khó có thể nói điều gì rõ ràng hơn.



Xin cảm ơn sự chú ý của các bạn./.